

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA  
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH  
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, tỉnh Sơn La  
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
Số : 2025.09.26.57/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La  
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – phường Tô Hiệu – tỉnh Sơn La  
03 Loại mẫu : Nước sau xử lý trạm cấp nước Cò Nòi – XNCN Mai Sơn  
04 Số lượng mẫu : 01  
05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.09.11/BBGM. Ngày 11 tháng 09 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

| TT | Thông số                                                                | Đơn vị | Kết quả | QCVN 40:2011/ BTNMT (B) | Phương pháp phân tích     |
|----|-------------------------------------------------------------------------|--------|---------|-------------------------|---------------------------|
| 1  | Sunfua ( $S^{2-}$ ) (*)                                                 | mg/l   | 0,04    | 0,5                     | TCVN 6637:2000            |
| 2  | Tổng dầu, mỡ (oils & grease) (*)                                        | mg/l   | 1,35    | 10                      | SMEWW 5520B&F:2017        |
| 3  | BOD <sub>5</sub> (20°C) (*)                                             | mg/l   | <2      | 50                      | TCVN 6001-1:2008          |
| 4  | Tổng P (*)                                                              | mg/l   | 0,134   | 6                       | SMEWW 4500-P.B&E:2017     |
| 5  | Tổng Nito (*)                                                           | mg/l   | 2,7     | 40                      | TCVN 6638:2000            |
| 6  | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) (*) | mg/l   | 0,16    | 10                      | SMEWW 4500-NH3.B &F :2017 |

Sơn La, ngày 26 tháng 09 năm 2025

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Giám đốc



Điêu Thị Thương

Phạm Văn Thế

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (\*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ thông tin và Kiểm định

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA**  
**PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG**  
**BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017**

Địa chỉ: Tổ 6 Chiềng Lề, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La  
 Tel: 1900636761 Email: [sowasuco@gmail.com.vn](mailto:sowasuco@gmail.com.vn)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
 Số: 585/2025

**Tên đơn vị yêu cầu** : Xí nghiệp cấp nước Mai Sơn  
**Vị trí lấy mẫu** : Nước thải sau xử lý trạm cấp nước Cò Nòi  
**Loại mẫu** : Nước thải công nghiệp - Mã số 24/T9/2025  
**Số lượng mẫu** : 01  
**Biên bản giao mẫu** : Số 585/BB ngày 09 tháng 9 năm 2025  
**Ngày phân tích** : 10/9/2025 - 12/9/2025



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

| TT | Thông số         | Đơn vị        | Kết quả                    | QCVN<br>40:2011/BTN<br>MT (B) | Phương pháp<br>phân tích           |
|----|------------------|---------------|----------------------------|-------------------------------|------------------------------------|
| 1  | Clo dư           | mg/L          | KPH<br><i>Lod: 0.07</i>    | 2                             | Phương pháp PP-CLD                 |
| 2  | pH               | -             | 6.97                       | 5.5 - 9                       | Theo phương pháp nội bộ<br>PPNB-01 |
| 3  | Sắt              | mg/L          | KPH<br><i>Lod: 0.1</i>     | 5                             | TCVN 6177:1996                     |
| 4  | Mangan           | mg/L          | KPH<br><i>Lod: 0.046</i>   | 1                             | PP/MN                              |
| 5  | Chất lơ lửng TSS | mg/L          | < 3.80<br><i>Lod: 3.80</i> | 100                           | TCVN 6224:1996                     |
| 6  | COD              | mg/L          | < 3.5<br><i>Lod: 3.50</i>  | 150                           | PP/COD                             |
| 7  | Coliform tổng số | CFU/<br>100mL | 291                        | 5000                          | TCVN 6187-1:2019                   |

**Phụ trách Kỹ thuật  
bộ phận phân tích**

**Nguyễn Hoàng Luân**

**Kiểm soát**

**Đỗ Quang Phụng**

Sơn La, ngày 15 tháng 9 năm 2025

**P. Tổng giám đốc**



**Phạm Ngọc Dũng**

**Ghi chú:**

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên.
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.